

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2021 - 2022

MÔN: GDCD - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

KHỐI 12 - A

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL				
1	Pháp luật và đời sống	1. Pháp luật và đời sống	7	7p	6	7p	2	6p		0		15	0		3,75	
2	Thực hiện pháp luật	2. Thực hiện pháp luật	10	10p	9	11p	2						21	0		5,25
3	Công dân bình đẳng trước pháp luật	3. Công dân bình đẳng trước pháp luật	1	1p	0								1	0		0,25
4	Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội	4. Bình đẳng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	2	2p	1	1p							3	0		0,75
Tổng			20	20p	16	19p	4	6p	0			40	0	45	10.0	
Tỉ lệ (%)			50		40		10					0		100		

KHỐI 12 - D

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Pháp luật và đời sống	1. Pháp luật và đời sống	7	7p	5	6p	2	5p	2	7p	16	0		4,0
2	Thực hiện pháp luật	2. Thực hiện pháp luật	10	10p	5	6p	2		2		19	0		4,75
3	Công dân bình đẳng trước pháp luật	3. Công dân bình đẳng trước pháp luật	2	1p	1						2	0		0,5
4	Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội	4. Bình đẳng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	2	2p	1	1p					3	0		0,75
Tổng			20	20p	12	13p	4	5	4	7	40	0	45	10.0
Tỉ lệ (%)			50		30		10		10			0		

KHỐI 11 - A

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Thời gian (phút)	Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Công dân với sự phát triển kinh tế	1. Công dân với sự phát triển kinh tế	7	5p	4	5p	1	2p	0		12			3,0
2	Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường	2. Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường	7	5p	6	7p	1	2p	0		14			3,5
3	Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	3. Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	6	6p	6	8p	2	5p	0		14			3,5
Tổng			20	16p	16	20	4	9p	0		40		45	10,0
Tỉ lệ (%)			50		40		10		0					100

KHỐI 11- D

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Thời gian (phút)	Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Công dân với sự phát triển kinh tế	1. Công dân với sự phát triển kinh tế	7	6p	3	3p	1	2p	1	2	11			3,0
2	Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường	2. Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường	7	6p	5	5p	1	2p	1	2	13			3,5
3	Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	3. Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	4	3p	3	4p	1	2p	1	2	9			2,5
4	Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	4. Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	2	1p	1	1p	1	2p	1	2	4			1,0
Tổng			20	16p	12	13p	4	8p	4	8p	40		45	10,0
Tỉ lệ (%)			50		30		10		10					100

KHỐI 10 - D

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Thời gian (phút)	Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	1. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	5	4p	4	5p	0		0		9	0		
2	Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất	2. Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất	3	2p	2	3p	1	1,5p	1	2p	7			
3	Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng	3. Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng	4	3p	2	3p	1	1,5p	1	2p	8			
4	Cách thức vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng	4. Cách thức vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng	5	4p	2	2,5p	1	1,5p	1	2p	9			
5	Khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật hiện tượng	5. Khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật hiện tượng	3	2P	2	2,5P	1	1,5P	1	2P	7			
Tổng			20	15p	12	16p	4	6p	4	8p	40		45	10,0
Tỉ lệ (%)			50		30		10		10					100

KHỐI 10 – A

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	1. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	5	4p	5	7p			0		10	0		2,5
2	Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất	2. Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất	3	2p	3	4,5p	1	1,5p			7			1,75
3	Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng	3. Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng	5	3p	2	3,5p	1	1,5p			7			1,75
4	Cách thức vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng	4. Cách thức vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng	6	4p	3	4,5p	1	1,5p			9			2,25
5	Khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật hiện tượng	5. Khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật hiện tượng	3	2P	3	4,5p	1	1,5P			7			1,75
Tổng			20	15p	16	24p	4	6p			40		45	10,0
Tỉ lệ (%)			50		40		10							100